

Bản án số: 207/2024/HS-ST
Ngày 21-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tấn và ông Nguyễn Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 187/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

Nguyễn Thị B, sinh năm 1994; Nơi cư trú: xóm L - L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Công nhân; Văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn K (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị Á; bị cáo có chồng: Nông Văn Q, sinh năm 1993 và có 03 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018. tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Như Q1 – Trợ giúp viên pháp lý – thuộc T tân trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang; (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

Anh Nông Văn Q, sinh năm 1993; địa chỉ: xóm L - L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2023, Nguyễn Thị B cùng chồng là anh Nông Văn Q, đến thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh thuê nhà ở để đi làm việc. Trong quá trình làm việc tại tỉnh Bắc Ninh, mặc dù đã có chồng và 03 con chung nhưng B vẫn yêu đương, quan hệ tình dục nhiều lần với một người chỉ biết tên là Na Văn S, khoảng 33 tuổi, còn năm sinh, địa chỉ ở đâu không biết. Khoảng tháng 4/2023, B và anh Q đến thuê phòng ở trọ tại thôn T, xã V, huyện V (nay là tổ dân phố T, phường V, thị xã V), tỉnh Bắc Giang để cùng đi làm việc tại Công ty TNHH L ở Khu Công nghiệp Q, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Khoảng cuối tháng 5/2023, anh Q bỏ việc tại Công ty đi về tỉnh Cao Bằng sinh sống, còn B tiếp tục ở lại làm việc tại xưởng A1 tầng 2 Công ty TNHH L. Cùng thời gian này, Biễn phát hiện đã mang thai. Biễn nghĩ thai nhi là của người đàn ông tên S. Sợ bị người khác phát hiện mang thai, nên trong suốt quá trình mang thai Biễn không đi khám thai, không thông báo cho bất kỳ ai biết. Hàng ngày đi làm việc, Biễn mặc áo tũn điện, loại áo đồng phục (cỡ áo rộng) do Công ty trang bị cho công nhân đi làm trong xưởng để không ai nhìn thấy B mang thai.

Khoảng 14 giờ ngày 11/12/2023, trong lúc làm việc tại Công ty, Biễn thấy đau bụng, dạng đau bụng đẻ (thai nhi của B đã ở tuần thai thứ 37). Lúc này sợ bị người khác phát hiện, B không nói cho ai biết, tự đi vào phòng vệ sinh số 2 ở tầng hai, xưởng A1 Công ty TNHH L để sinh con. Biễn ngồi lên bồn cầu cầu dận nhiều lần trong thời gian khoảng 30 phút thì đẻ ra một trẻ sơ sinh nữ rơi vào trong bồn cầu, trong tư thế chân chạm đáy bồn cầu, đầu chạm thành bồn cầu. Khoảng 05 phút sau khi sinh con, B đứng dậy mặc quần áo lại rồi xé áo phông đang mặc bên trong người ra, tay trái cầm vào vị trí phía sau gáy cháu bé nhấc lên khỏi bồn cầu, tay phải Biễn sử dụng mảnh vải vừa xé từ áo lau đầu, mặt và người trẻ sơ sinh và ấn nút xả nước bồn cầu để chôi đi máu và chất thải khi sinh con trong bồn cầu. Sợ mọi người trong Công ty phát hiện B sinh con thì báo cho chồng B biết từ đó sẽ biết được B ngoại tình với người đàn ông khác rồi ly hôn với B. Biễn đã mở nắp khoang chứa nước bồn cầu (téc nước) của bồn cầu B vừa ngồi sinh con rồi bỏ cháu bé vào trong khoang chứa nước, bên trong đang có nước rồi đậy nắp khoang chứa nước bồn cầu lại và bỏ đi ra ngoài. Khi đi đến cửa nhà vệ sinh thì B bị ngã rồi được công nhân khác đưa đến khám, kiểm tra sức khỏe tại phòng y tế của Công ty. Lúc này, B vẫn không nói cho người khác về việc B vừa sinh con. Khoảng 16 giờ cùng ngày thì B tự bỏ về phòng trọ tại thôn T, xã V, huyện V (nay là tổ dân phố T, phường V, thị xã V), tỉnh Bắc Giang để nghỉ.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, chị Lê Thanh X, sinh năm 1992, ở xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là công nhân Công ty TNHH L đi vào nhà vệ sinh số hai mà B vừa ngồi sinh con để đi vệ sinh. Sau khi vệ sinh xong, chị X ấn nút xả nước nhưng không ấn được nên mở nắp khoang chứa nước bồn cầu kiểm tra thì

phát hiện trẻ sơ sinh ở bên trong nên đã báo mọi người đến kiểm tra. Lúc này, chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1972 ở thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (là công nhân) vào thấy phân đầu, mặt cháu bé và hai chân đều bị ngập nước chỉ hở phần mông. Chị D dùng tay cầm vào hai chân cháu bé nhấc lên thì thấy cháu bé đã chết nên lại để lại vị trí ban đầu và thông báo đến bộ phận bảo an của Công ty biết. Lúc này, chị Phạm thị N, sinh năm 1992, ở tổ D, phường M, thành phố B là nhân viên y tế của Công ty vớt xác trẻ sơ sinh ra khỏi khoang chứa nước bồn cầu để trong nhà vệ sinh. Sau đó, Công ty L- ICT đã báo sự việc trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã V để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, tiến hành trưng cầu giám định giải quyết vụ việc trên.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện: Hiện trường được xác định là khu nhà vệ sinh nữ tầng 2 xưởng A1 của Công ty L. Hiện trường đã xáo trộn do có sự tác động của con người (nhân viên lao công dọn dẹp vệ sinh và lau chùi). Nhà vệ sinh có 05 buồng vệ sinh liền nhau, mỗi buồng được ngăn cách bởi các vách gỗ. Kích thước mỗi buồng vệ sinh (1,55 x 1,2 x 1,96)m. Trong buồng vệ sinh số 2 nơi phát hiện tử thi có bồn chứa nước xả bằng sứ màu trắng có nắp đậy, kích thước (35 x 19 x 31)cm, mực nước trong bồn cao 28cm; giữa bồn chứa có trụ bấm nước xả, kích thước (8 x 8 x 25)cm.

Kết quả khám nghiệm tử thi trẻ sơ sinh thể hiện: Tử thi được bọc trong 02 áo sơ mi kẻ sọc màu trắng để trong thùng cát tông màu nâu, bên ngoài bọc túi nilon màu đen. Được xác định là trẻ sơ sinh nữ, trọng lượng 2,750 gram, chiều dài tử thi 46cm, đang trong giai đoạn cứng xác.

Kết quả khám ngoài: Toàn thân tím tái có bầm chât gây màu trắng, hai mắt khép kín, mũi có dịch bọt màu trắng (dạng nắm bột) chảy từ trong ra. Miệng khép, trong miệng có dịch bọt màu trắng, hai môi sẫm màu. Chu vi vòng đầu 32cm, đường kính lưỡng đỉnh 10,5cm, thóp trước kích thước (1,5 x 1,3)cm, thóp sau kích thước (1,5 x 1)cm. Trán có vết chột đỏ da nông, kích thước (1,2 x 1)cm; tóc màu đen bầm dính bột ôi màu đỏ. Chu vi vòng ngực 34cm, chu vi vòng bụng 31cm; còn dây rốn dài 2,5cm thấm dịch bọt màu đỏ. Chiều dài xương cánh tay 7cm, chiều dài xương cẳng tay dài 7,4cm. Chu vi vòng đùi 14,5cm, chiều dài xương đùi 9cm; chiều dài xương cẳng chân 8,5cm, chiều dài bàn chân 8cm. Chiều dài đầu mông 31cm, hậu môn có phân su màu đen. Ngoài ra không phát hiện dấu vết gì khác.

Kết quả mổ tử thi: Giải phẫu vùng cổ- ngực- bụng: Không tụ máu tổ chức dưới da, cơ vùng cổ- ngực- bụng. Lòng khí phế quản xung huyết, bên trong có dịch bọt màu hồng. Còn tuyến ức, kích thước (5 x 2,5)cm. Hai phổi màu tím sẫm nổi trên mặt nước, bề mặt màng phổi hai bên và các khe rãnh liên thùy có nhiều chấm xuất huyết, diện cắt phổi xốp, qua diện cắt có dịch màu đỏ chảy ra. Tim màu nâu, buồng tim không có máu cục. Kiểm tra động mạch chủ, động mạch phổi, hệ thống tĩnh mạch phổi bình thường. Gan màu nâu, bề mặt nhẵn. Các tạng khác xung huyết.

Kết thúc khám nghiệm thu mẫu máu, tim, gan, phổi, động mạch, khí quản, dây rốn, tuyến ức để phục vụ công tác giám định.

Tại bản kết luận số 411 ngày 28/12/2023 của V kết luận: Phổi đã hô hấp; phù, chảy máu phổi. Ít máu tụ quanh khí quản, động mạch. Sung huyết các tạng.

Tại bản kết luận giám định số 2634 ngày 29/12/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: Trên cơ thể trẻ sơ sinh không phát hiện dấu vết do ngoại lực tác động. Cơ thể không có bất thường về giải phẫu. Các cơ quan phát triển bình thường. Trẻ sơ sinh khi sinh ra đã có phản ứng sống. Nguyên nhân chết của trẻ sơ sinh: Chết ngạt nước. Thời gian chết của trẻ sơ sinh đến thời điểm khám nghiệm tử thi trên 10 tiếng. Trẻ sơ sinh khoảng 1-2 ngày tuổi.

Tại công văn số 276/KTHS ngày 20/3/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B giải thích: Căn cứ kết quả khám nghiệm tử thi, cân nặng trẻ sơ sinh nữ giới là 2,750 gam. Đối chiếu với bảng cân nặng thai nhi theo tiêu chuẩn quốc tế năm 2023 của T1 (WHO) tại thời điểm trước khi trẻ sơ sinh được sinh ra thì thai nhi tương ứng với tuần thai thứ 37.

Tại bản kết luận giám định AND số HT759.23/PY-XNSH ngày 20/12/2023, V kết luận: Nguyễn Thị B và tử thi (trẻ sơ sinh nữ) có mẫu máu giám định có quan hệ huyết thống Mẹ- Con gái.

Tại Kết luận giám định ADN số HT140.24/PY-XNSH ngày 22/3/2024 của V xác định: Anh Nông Văn Q và trẻ sơ sinh đã chết có quan hệ huyết thống Cha-Con.

Trách nhiệm dân sự: Anh Nông Văn Q là bố đẻ và là người đại diện hợp pháp của cháu bé sơ sinh không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số: 197/CT-VKS ngày 20/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội “Giết con mới đẻ”, được quy định tại khoản 1 Điều 124 Bộ luật hình sự;

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên giữ quyền công tố sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra cho xã hội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 124, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử phạt: Nguyễn Thị B từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Giết con mới đẻ”. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Án phí: Bị cáo thuộc diện được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thị xã V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đảm bảo theo trình tự tố tụng hình sự.

[2] Nguyễn Thị B đã có chồng và 03 con. Trong thời gian từ khoảng tháng 02/2023 đến tháng 4/2023, Nguyễn Thị B có yêu đương và quan hệ tình dục với người đàn ông khác trong khi vẫn đang sống chung với chồng là anh Nông Văn Q. Khoảng cuối tháng 5/2023, B phát hiện đã mang thai nhưng do nghĩ không phải là con chung với chồng nên dấu không cho ai biết. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 11/12/2023, trong lúc làm việc tại Công ty TNHH L ở khu Công nghiệp Q, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang, Bị cáo đau bụng sinh. Lúc này, B đi vào nhà vệ sinh số 02, xưởng A1 tầng 2 của Công ty rửa đẻ ra 01 trẻ sơ sinh nữ (tương ứng với tuần thai thứ 37) rơi trong bồn cầu. Do sợ người trong Công ty phát hiện sinh con, báo cho chồng biết thì chồng phát hiện ngoại tình rồi ly hôn nên B cầm trẻ sơ sinh bỏ vào trong khoang chứa nước xả của bồn cầu, bên trong có nước và đậy nắp lại. Hậu quả, trẻ sơ sinh bị ngạt nước rồi chết. Kết luận giám định ADN xác định trẻ sơ sinh chết nêu trên là con chung của B và anh Q.

[3] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, lời khai của người làm chứng và vật chứng đã được thu giữ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo: Nguyễn Thị B phạm tội “Giết con mới đẻ”, tội được quy định tại khoản 1 Điều 124 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị B là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết được vứt con mới đẻ vào bồn nước là xâm phạm tính mạng, quyền được sống, quyền được bảo hộ về tính mạng của con người, đồng thời xâm phạm nghiêm trọng đạo đức xã hội, đó là tình "mẫu tử", xâm phạm quyền sống của trẻ em tại Điều 12 của Luật trẻ em Bị cáo là phụ

nữ đã từng mang thai sinh con lần thứ tư nhưng do nhận thức kém nên khi sinh con ra đã có hành vi vứt bỏ đứa trẻ vào khoang chứa nước xả bồn cầu để mặc cho hậu quả xảy ra dẫn đến đứa trẻ chết trong tình trạng ngạt nước, xã hội lên án và gây sự bất bình trong nhân dân. Do đó, cần xử phạt bị cáo với một mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo thấy:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, được người đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s và điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, bị cáo còn là lao động chính để nuôi dưỡng 3 con nhỏ, trong đó có con lớn bị thiếu năng trí tuệ, không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, nhằm đề cao tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Do vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho UBND nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành người tốt cho xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao sửa đổi bổ sung một số điều Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

[5] Trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường tổn thất tinh thần cho đại diện bị hại, anh Nông Văn Q là bố đẻ và là người đại diện hợp pháp của cháu bé sơ sinh không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo do vậy không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 124, Điều 65, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt: Nguyễn Thị B 01 (Một) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Giết con mới đẻ” nhưng được hưởng án treo. thời gian thử thách 03 (Ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Công an thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA- VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tân Thịnh